



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Du lịch Hương Giang

Ngày 30/09/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	30.8%	28.4%

DT thuần Q3/25
6.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.26 -31.9%
YoY: ▼8.06 -53.7%

LN thuần Q3/25
-4.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.98 -1374%
YoY: ▼80.8 -106%

LN sau thuế Q3/25
-4.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.43 -1704%
YoY: ▼79.5 -106%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-64.7%
YoY: +/- ▼ 64.2%

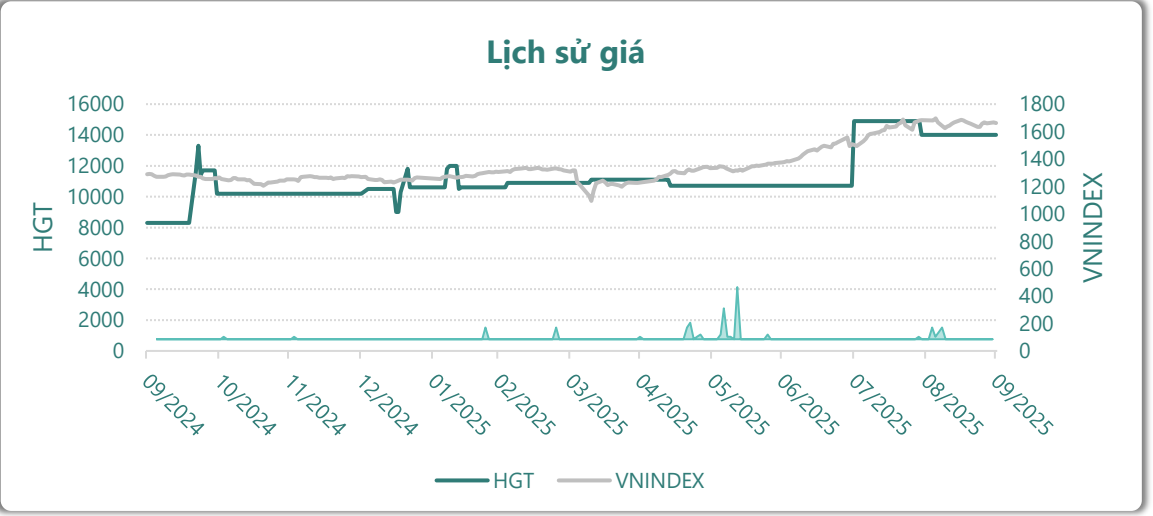
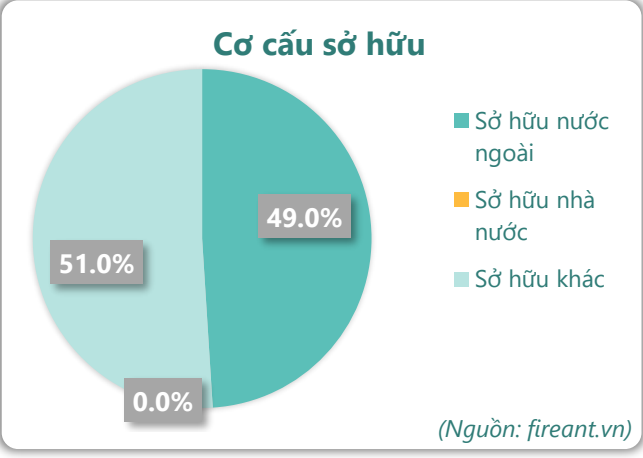
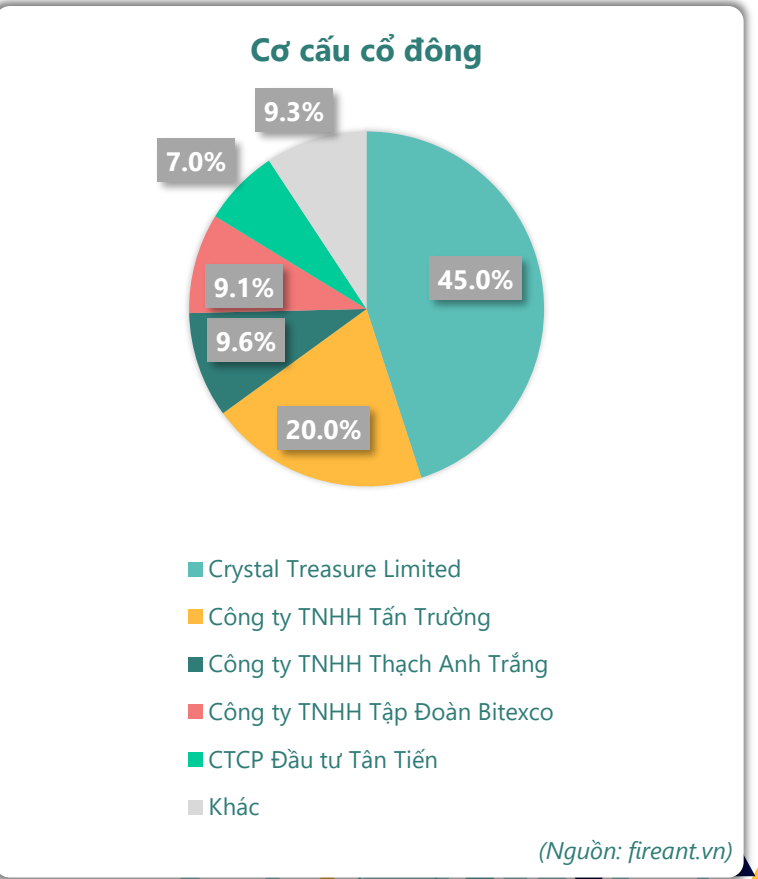
ROE (TTM) Q3/25
-5.9%
YoY: +/- ▼ 44.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	280
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.07
EPS	-614
P/E	-22.8

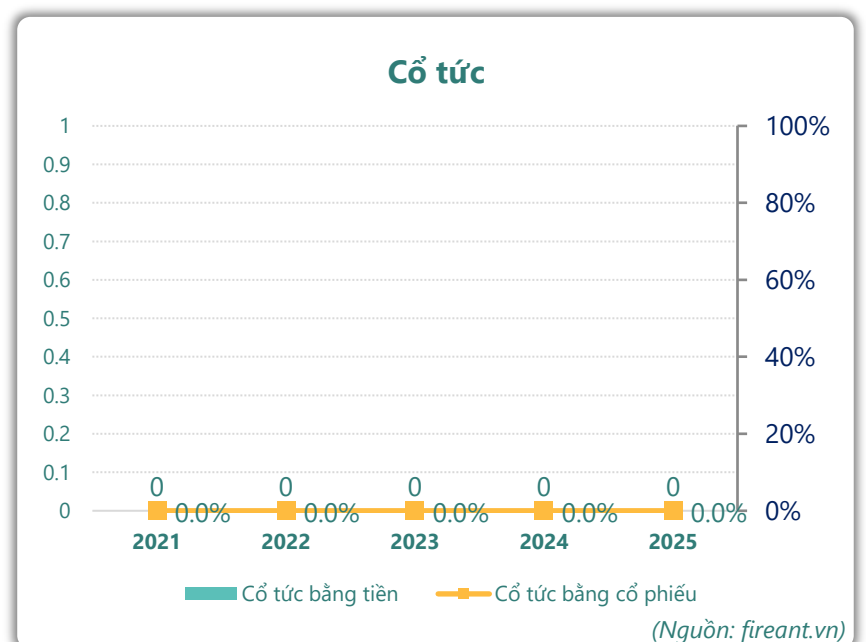
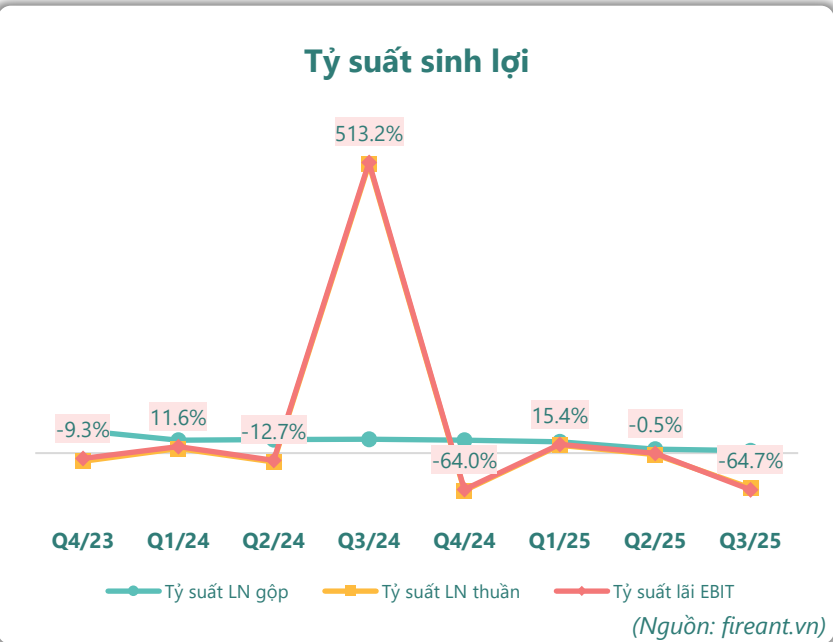
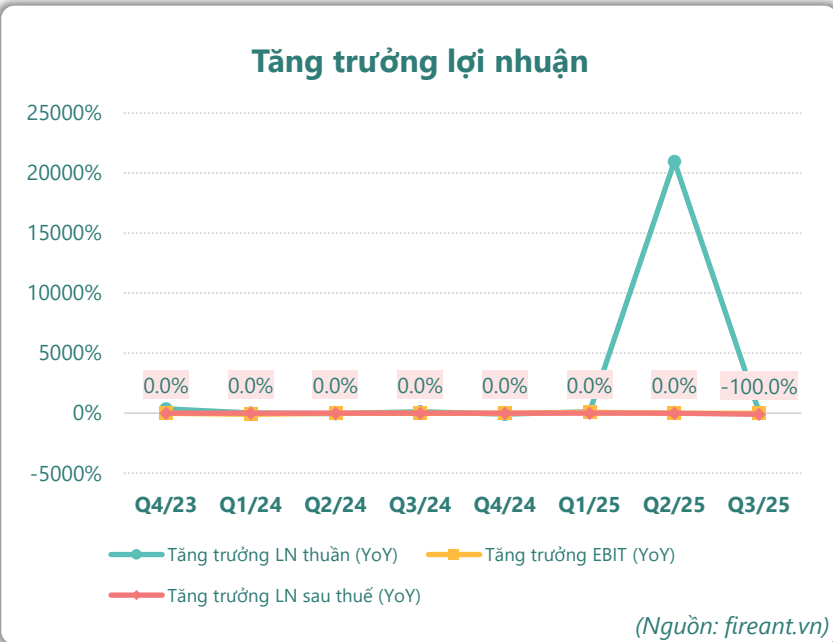
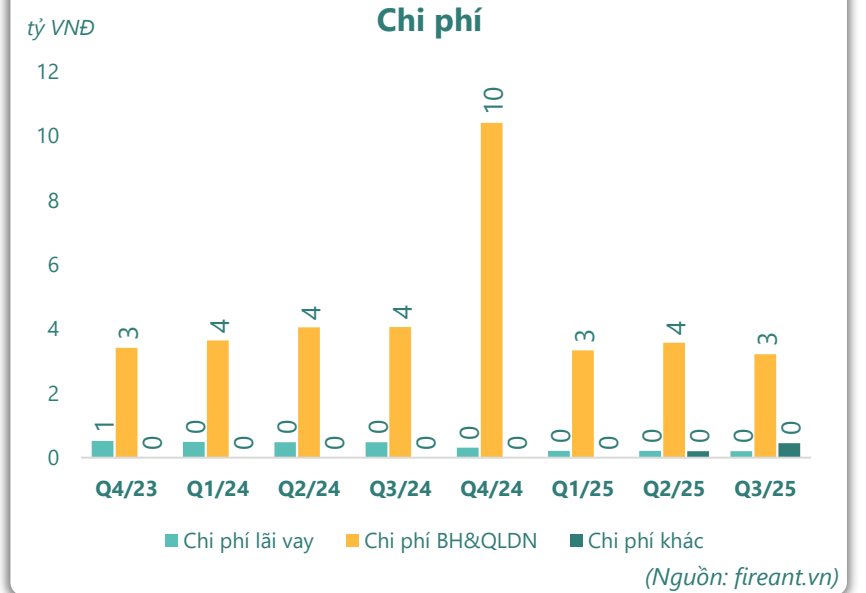
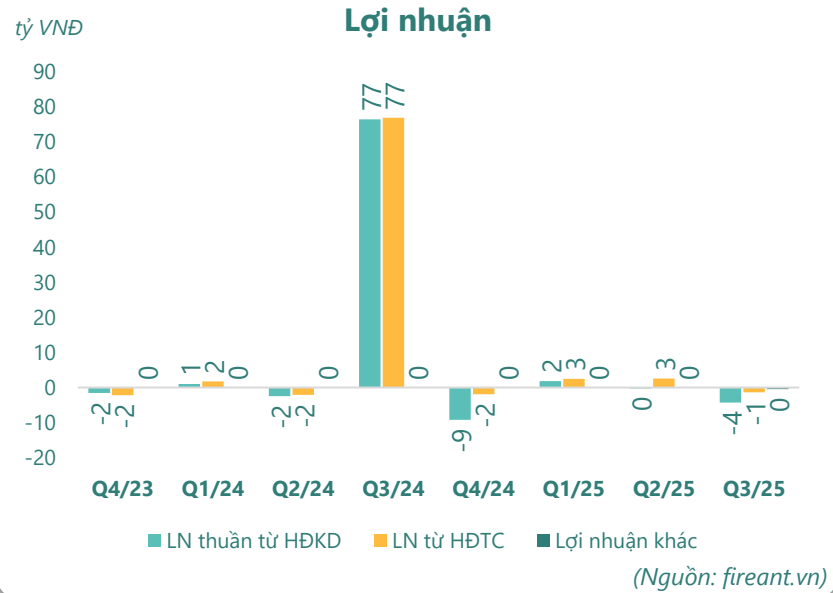
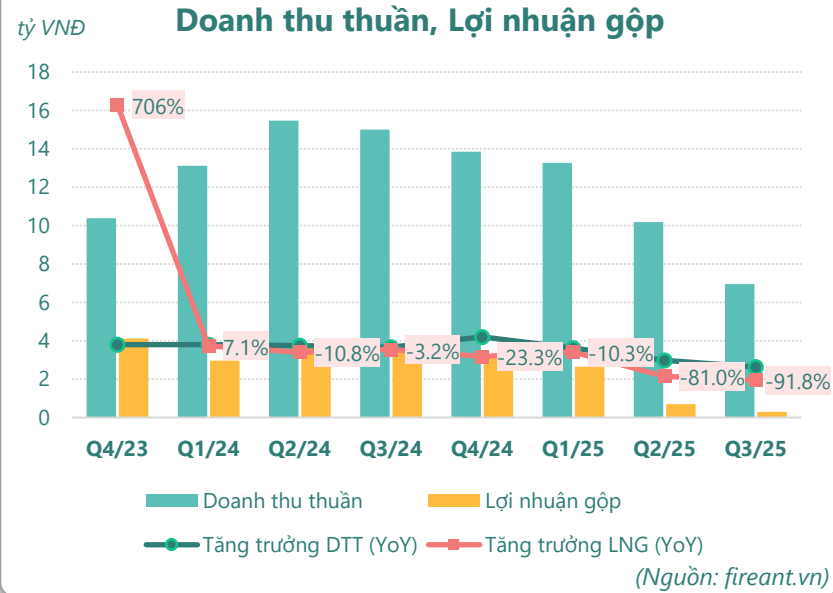
DT thuần 9T 2025
30.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.2 -30.3%

LN thuần 9T 2025
-2.75
tỷ VNĐ
YoY: ▼77.9 -104%

LN sau thuế 9T 2025
-3.12
tỷ VNĐ
YoY: ▼76.5 -104%



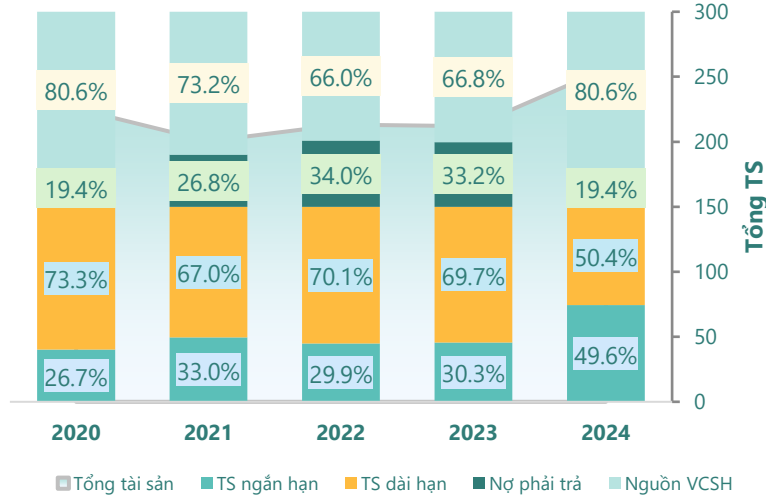
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

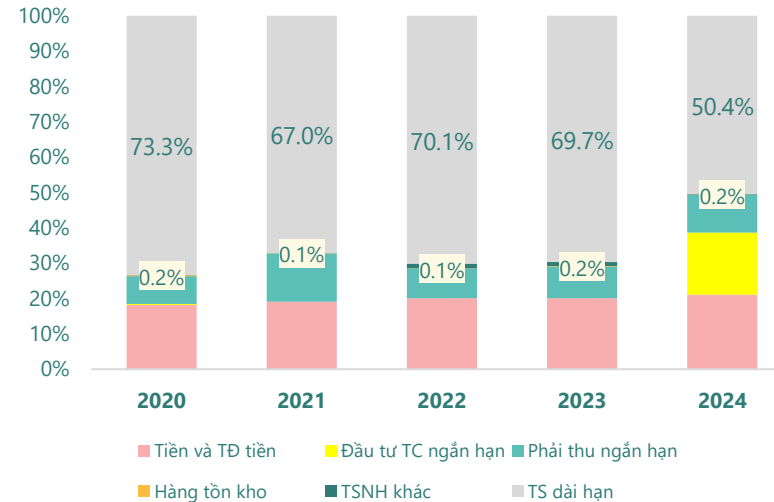
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

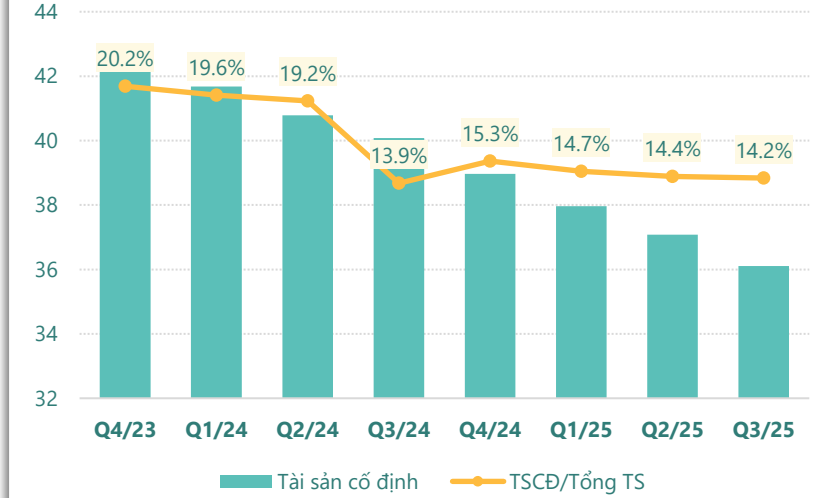
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

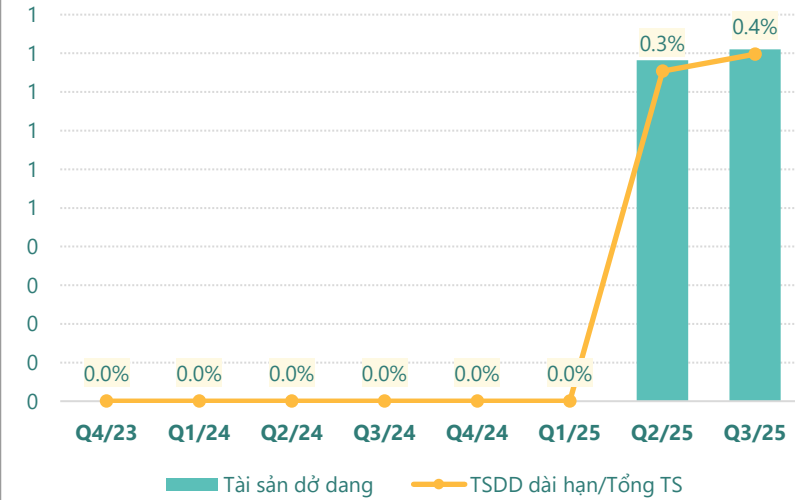
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

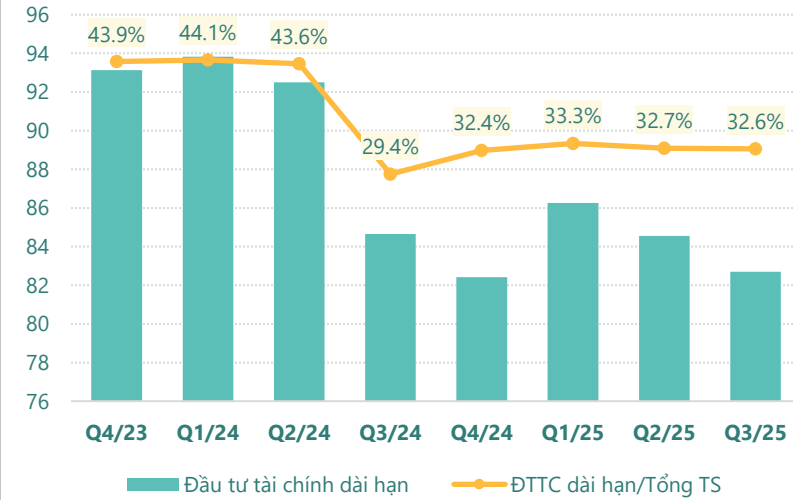
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

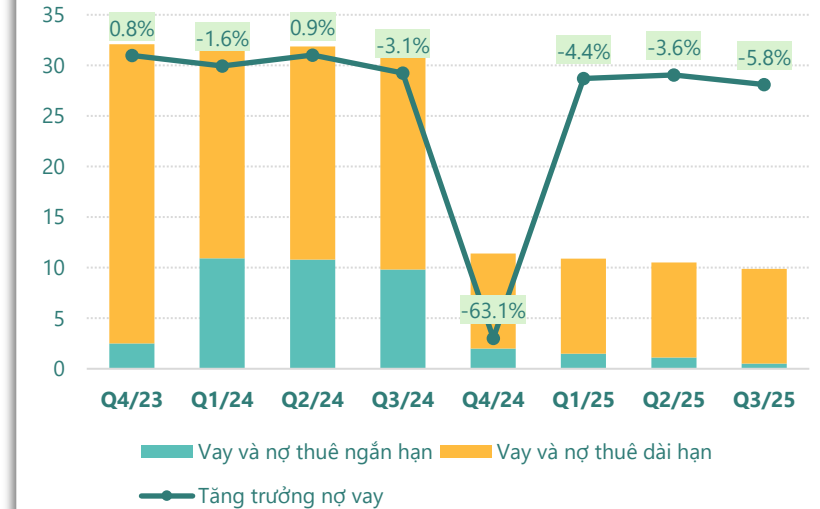
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

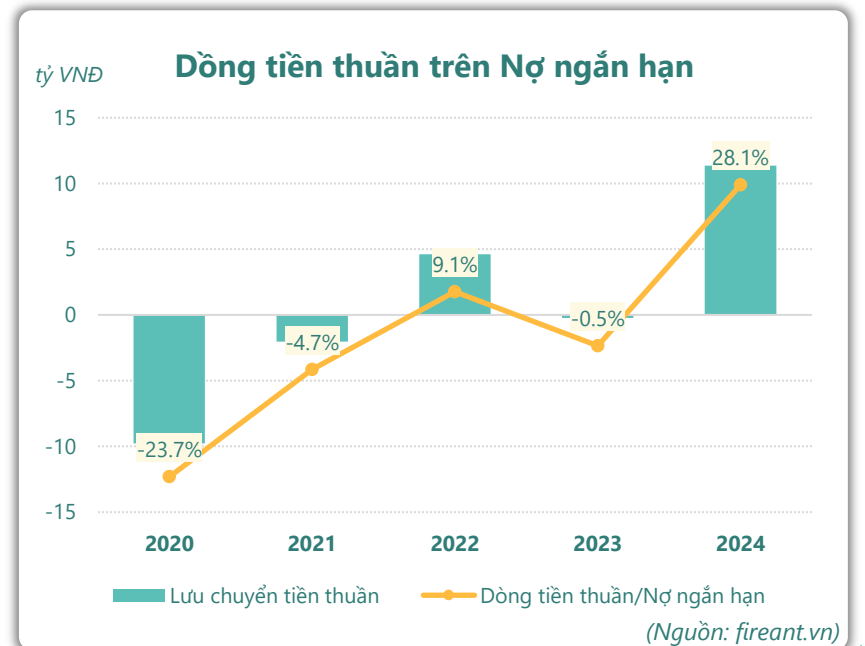
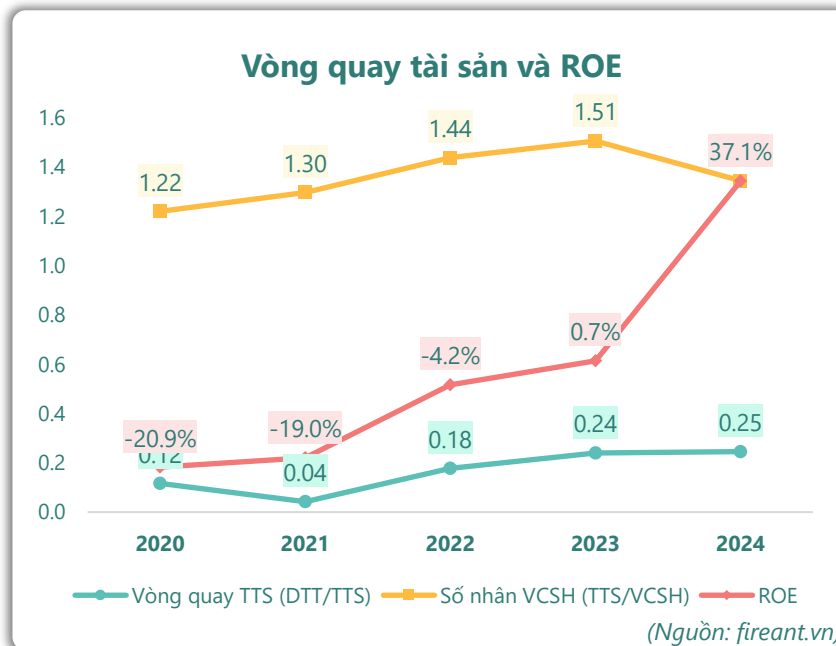
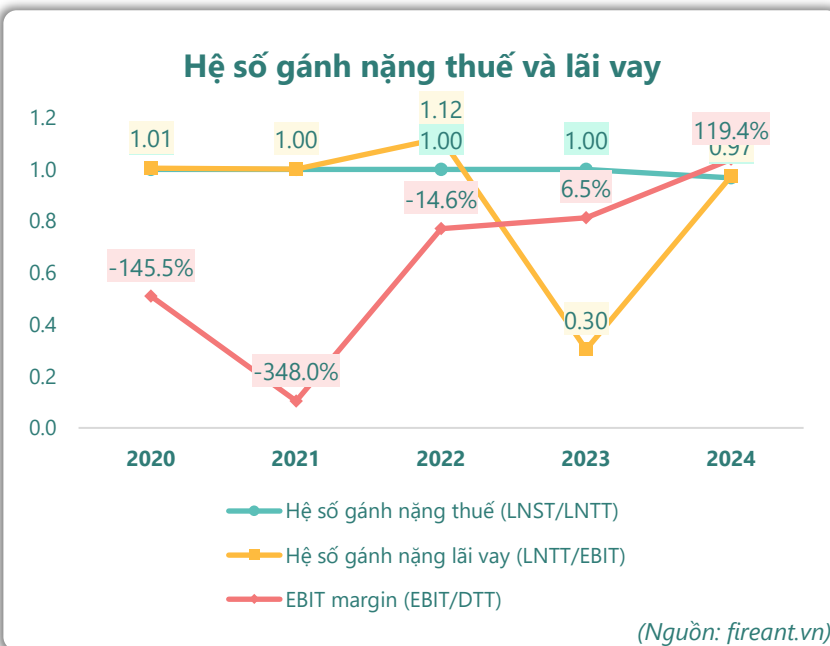
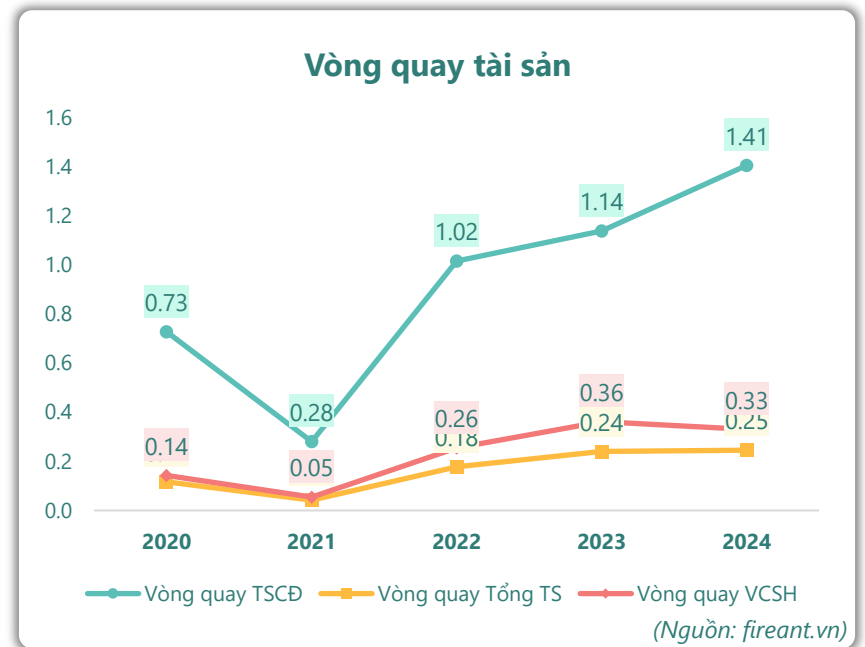
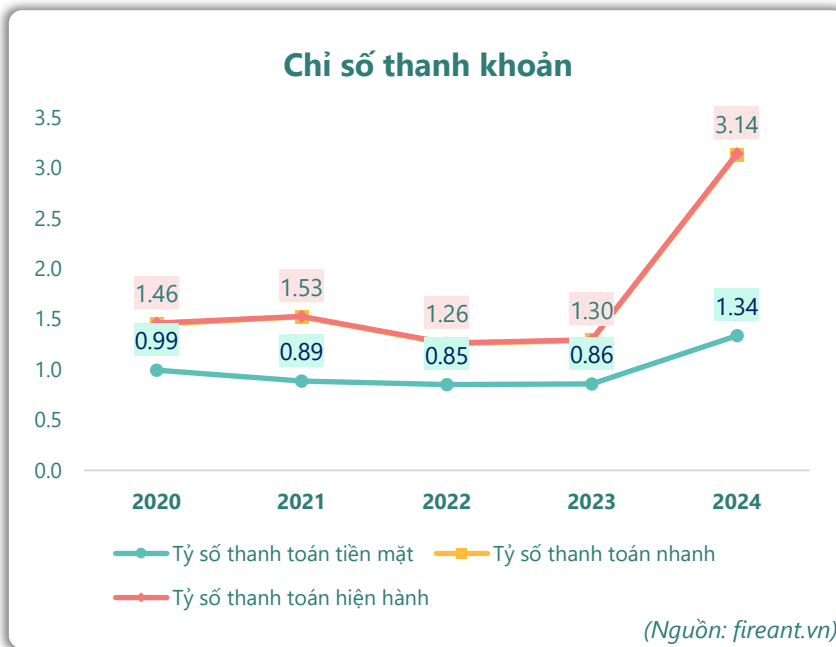
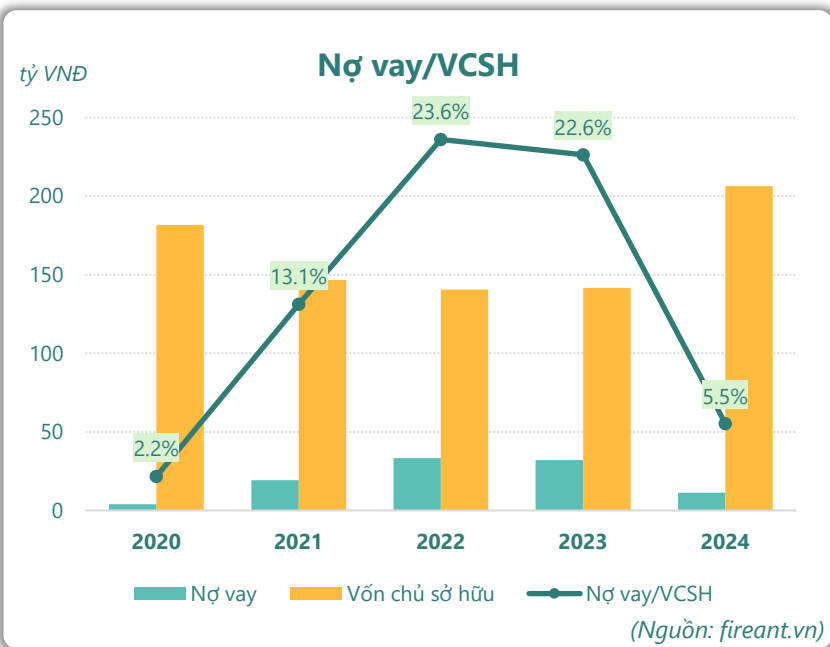
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.94	15.0	-53.7%	30.4	43.6	-30.3%
Giá vốn hàng bán	6.64	11.4	-41.7%	26.7	33.3	-19.7%
Lợi nhuận gộp	0.30	3.65	-91.8%	3.65	10.3	-64.5%
Doanh thu HĐTC	0.70	77.8	-99.1%	6.17	79.9	-92.3%
Chi phí TC	2.05	0.91	125%	2.43	3.33	-27.1%
Chi phí lãi vay	0.20	0.48	-58.4%	0.62	1.45	-57.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.29	0.34	-15.4%	0.90	0.98	-8.1%
Chi phí QLDN	2.94	3.72	-21.1%	9.23	10.8	-14.3%
LN thuần từ HĐKD	-4.27	76.5	-106%	-2.75	75.1	-104%
Lợi nhuận khác	-0.42	0.02	-2181%	-0.38	0.02	-1784%
LN trước thuế	-4.69	76.5	-106%	-3.12	75.1	-104%
Lợi nhuận sau thuế	-4.69	74.8	-106%	-3.12	73.4	-104%
LNST của CĐ cty mẹ	-4.69	74.8	-106%	-3.12	73.4	-104%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.76	1.37	-6.37	1.46	-0.47	-24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.32	38.3	-5.88	0.56	-7.21	44.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.50	-1.00	-19.5	-0.50	-0.39	-0.61
Tiền đầu kỳ	44.4	47.0	85.7	54.0	55.5	47.4
Lưu chuyển tiền thuần	2.57	38.7	-31.7	1.52	-8.07	19.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	47.0	85.7	54.0	55.5	47.4	66.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	254	256	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	130	127	2.1%
Tiền và tương đương tiền	66.9	54.0	24.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	45.0	-77.8%
Phải thu ngắn hạn	51.9	27.3	90.3%
Hàng tồn kho	0.32	0.41	-22.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.30	74.6%
Tài sản dài hạn	124	129	-4.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.1	39.0	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.91	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	82.7	84.5	-2.1%
Tài sản dài hạn khác	4.13	5.67	-27.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50.3	49.8	1.1%
Nợ ngắn hạn	40.9	40.4	1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.50	2.00	-75.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.92	1.05	-12.5%
Nợ dài hạn	9.39	9.39	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.39	9.39	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	203	206	-1.5%
Vốn chủ sở hữu	203	206	-1.5%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

